

**HỒ SƠ YÊU CẦU**  
**CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**  
*Gói thầu hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 2 năm 2025*

TP.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**Người thẩm quyền phê duyệt**

**TUO. Chủ tịch HĐQT**

**Phó Giám đốc phụ trách**



**Nguyễn Doãn Hải**

**Bên mời thầu**

**Tổ trưởng Tổ mua sắm**

**Võ Lê Phi**

## MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

- A. Khái quát
- B. Chuẩn bị HSĐX
- C. Nộp và mở HSĐX
- D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu
- E. Trao Hợp đồng

### **Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX**

### **Chương III. Biểu mẫu**

- Mẫu số 1. Đơn chào hàng
- Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
- Mẫu số 4. kê khai thông tin về nhà thầu
- Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh
- Mẫu số 6. Hợp đồng trưng tự do nhà thầu thực hiện
- Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu
- Mẫu số 8. Kê khai năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
- Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
- Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu
- Mẫu số 11. Biểu chào giá
- Mẫu số 12. Biểu giá và Lịch hoàn thành – Các dịch vụ liên quan
- Mẫu số 13. Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất
- Mẫu số 14. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

### **Chương IV. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa**

### **Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **Chương VI. Kiểm tra và thử nghiệm**

### **Chương VII. Dự thảo hợp đồng**

# TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC  
HSDX  
VND

Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh  
Hồ sơ đề xuất  
Đồng Việt Nam

# Chương I CHỈ DẪN NHÀ THẦU

## A. KHÁI QUÁT

### 1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Bên mời thầu phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau:

<i>Tên gói thầu</i>	<i>Nội dung công việc của gói thầu</i>
Hàng hóa – phân bón hữu cơ đợt 2 năm 2025	Cung cấp phân bón hữu cơ phục vụ công tác bón phân hữu cơ đợt 2 năm 2025

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày

### 2. Nguồn vốn: sản xuất kinh doanh của Công ty

### 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

### 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan và tài liệu chứng minh

- **Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa:**

- + Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam do Cục Bảo vệ thực vật cấp;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (đối với nhà thầu là đơn vị sản xuất)
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (đối với nhà thầu là đơn vị thương mại);
- + Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy phân bón.
- + Tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.

Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu mà nhà thầu cung cấp.

## B. CHUẨN BỊ HSDX

### 5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi HSYC phát hành cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

## **6. Ngôn ngữ của HSDX**

HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Tài liệu kèm theo (catalogue, tính năng kỹ thuật...) trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

## **7. Thành phần của HSDX**

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 3;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của Hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4;
- Các nội dung khác:.....

## **8. Đơn chào hàng và các bảng biểu**

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

## **9. Giá dự thầu và giảm giá**

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Danh mục hàng hóa .

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo từng biểu giá quy định tại Mẫu số 11, 12, 13, 14.

## **10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:**

Việt nam đồng (VNĐ)

## **11. Thành phần đề xuất kỹ thuật**

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm danh mục hàng hóa cung cấp, tiến độ cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật nhằm chứng minh tính phù hợp của hàng hóa theo yêu cầu của Bên mời thầu.

## **12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

## **13. Thời hạn hiệu lực của HSDX**

13.1 HSDX phải có hiệu lực trong 30 ngày. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX

## **14. Bảo đảm dự thầu**

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại.

b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung và yêu cầu về bảo đảm dự thầu: 40.000.000 đồng, đảm bảo bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bảo lãnh ngân hàng.

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm

dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
- b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả

### **15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX**

15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị một bộ HSDX gốc và ghi rõ “BẢN GỐC”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp 01 bản chụp của HSDX và phải ghi rõ “BẢN CHỤP”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

15.2 Bản gốc của HSDX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

## **C. NỘP VÀ MỞ HSDX**

### **16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX**

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu.....;
- b) Ghi tên người nhận là Bên mời thầu.....;
- c) Ghi tên gói thầu.....;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước 14 giờ 10 phút, ngày 09/10/2025 (thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Bên mời thầu, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Bên mời thầu cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

### **17. Thời hạn nộp HSDX**

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: trước 14 giờ 10 phút, ngày 09/10/2025 (thời gian đóng thầu).

### **18. HSDX nộp muộn**

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

### **19. Mở HSDX**

Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu tiến hành mở các HSDX và chỉ tiến hành mở các hồ sơ đề xuất mà bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSDX trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thời gian nộp HSDX của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

- Kiểm tra niêm phong;
- Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin như sau: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của HSDX; giá trị, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng. Các thông tin này phải được ghi vào Biên bản mở thầu và được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

## **D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU**

### **20. Giải thích làm rõ HSDX**

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh

nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 02 ngày làm việc, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

## **21. Đánh giá các HSDX**

Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

## **22. Sửa lỗi số học**

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy

số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;
- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;
- Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.
- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

### **23. Hiệu chỉnh sai lệch**

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSDX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại

#### **24. Thương thảo về hợp đồng**

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,
- b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời

thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

## **25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;

25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

## **26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

Bên mời thầu sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;
- b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;
- c) Giá trúng thầu;
- d) Loại hợp đồng;
- đ) Thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;
- g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;
- h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

## **E. TRAO HỢP ĐỒNG**

### **27. Điều kiện ký kết hợp đồng**

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

### **28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 14.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

## Chương II

### TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

---

#### **Bước 1: Kiểm tra HSDX, bao gồm:**

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDX;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

#### **Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;
- i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

**Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Các tiêu chuẩn năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Giấy tờ cần nộp		
				Tất cả các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Một thành viên liên danh	
<b>1. Năng lực tài chính</b>							
1.1	<b>Doanh thu bình quân hàng năm</b>	Doanh thu bình quân hàng năm là 1.585.282.200 đồng trong vòng 02 năm trở lại đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (trưng ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 9
1.2	<b>Tình hình tài chính lành mạnh</b>	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh trong 02 năm tài chính gần nhất. a) Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn > 1; b) Giá trị ròng phải ≥ 0; c) Hoàn thành	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9

		nghĩa vụ nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.					
<b>2. Kinh nghiệm</b>							
2.1	<b>Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính</b>	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính có liên quan đến việc thực hiện gói thầu tối thiểu là 02 năm trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 8
2.2	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự</b>	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 02 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu ( <i>Đính kèm bản chính hoặc bản chụp được chứng thực hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng hoặc hóa đơn chứng từ mua bán để chứng minh</i> )	Phải thỏa mãn yêu cầu	Không áp dụng	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 7
3	<b>Năng lực sản xuất và kinh doanh</b>	- Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Phải thỏa mãn yêu	Không áp dụng	Phải đáp thỏa mãn	Không áp dụng	Mẫu số 9

		<p>chính trong thời gian 02 năm gần đây</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất kỹ thuật;</li> <li>- Tổng số lao động, trong đó số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ có liên quan đến việc thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các nội dung khác (nếu có).</li> </ul>	cầu		<p>yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)</p>		
--	--	--	-----	--	--	--	--

#### **Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chuẩn chấp nhận được nhưng không được vượt quá 3 tiêu chuẩn tổng quát trong tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.

**Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

<b>Nội dung đánh giá</b>		<b>Đánh giá</b>
<b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>		
Đặc tính (quy cách), thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất	Có bảng mô tả, so sánh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Chương V- HSYC và cung cấp tài liệu chứng minh (catalogue hoặc đường dẫn trên trang thông tin điện tử của hãng sản xuất).	<b>Đạt</b>
	Không có bảng mô tả, so sánh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu của HSYC.	<b>Không đạt</b>
<b>2. Tính hợp lệ của hàng hoá</b>		
Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.	Cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu tại Mục 4, Chương I Chỉ dẫn nhà thầu.	<b>Đạt</b>
	Không cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu tại Mục 4, Chương I Chỉ dẫn nhà thầu.	<b>Không đạt</b>
<b>3. Biện pháp đảm bảo chất lượng</b>		
Cam kết thực hiện kiểm tra chất lượng	- Có cam kết về đáp ứng về yêu cầu kiểm tra chất lượng tại mục 1.4 Chương V của HSYC	<b>Đạt</b>

	- Không có cam kết đáp ứng yêu cầu trên	<b>Không Đạt</b>
Cam kết về thời hạn sử dụng và đổi trả sản phẩm	- Cam kết thời hạn sử dụng hàng hóa tối thiểu 12 tháng Cam kết đổi trả sản phẩm không đúng quy cách, không đáp ứng chất lượng trong thời gian 5 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.	<b>Đạt</b>
	Không có cam kết đáp ứng yêu cầu trên.	<b>Không Đạt</b>
<b>4. Kế hoạch Tổ chức cung cấp hàng hóa</b>		
Kế hoạch tổ chức cung cấp hàng hóa	Thuyết minh kế hoạch tổ chức cung cấp hàng hóa bao gồm các giai đoạn: chuẩn bị hàng hóa, vận chuyển, bàn giao và kế hoạch bố trí nhân sự phụ trách.	<b>Đạt</b>
	Không có hoặc có các biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	<b>Không đạt</b>
<b>5. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
5.1 Thời gian giao hàng theo đợt	≤ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng của Chủ đầu tư	<b>Đạt</b>
	> 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng của Chủ đầu tư	<b>Không đạt</b>
5.2 Địa điểm giao hàng	Có cam kết giao hàng và vận chuyển hàng hóa đến các vị trí tập kết theo mục 1.2.2 yêu cầu vận chuyển tại Chương V của HSYC	<b>Đạt</b>
	Không có cam kết đáp ứng yêu cầu nêu trên	<b>Không đạt</b>
<b>6. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:</b>		
	Nhà thầu có cam kết không có hợp đồng bị xử phạt do chậm tiến độ hoặc	<b>Đạt</b>

Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu (tính từ ngày ký hợp đồng là 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu	không đạt chất lượng gói thầu hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng và nhà thầu có cam kết không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật.	
	Không đáp ứng yêu cầu trên hoặc không có cam kết đính kèm.	<b>Không đạt</b>
<b>7. Các yếu tố về điều kiện thương mại</b>		
Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp	- Có cam kết cung cấp đủ số lượng, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).	<b>Đạt</b>
	Không có cam kết theo yêu cầu trên.	<b>Không đạt</b>
<b>Kết luận</b>		<b>Đạt/không đạt</b>

### **Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.

### Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 01

#### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(1)</sup> cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]<sup>(2)</sup>.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực;

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ \_\_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [Ghi thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(4)</sup>**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(5)</sup>]

#### Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSDX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] do \_\_\_\_ [Ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]

**Người ủy quyền**

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà  
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*]Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau <sup>(1)</sup>:

*[- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng*].

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

---

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

**KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

*[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]*

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>
3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> <input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. <input type="checkbox"/> Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. <input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> <li>• TỰ CHỦ VỀ PHÁP LÝ VÀ TÀI CHÍNH</li> <li>• HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP</li> </ul>
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

## THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

*[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]*

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i>
Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i>
<input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên.
<input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

**HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH**

1. Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ: \_\_\_\_\_
2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
  - a) Sản xuất:
    - \_\_\_\_\_ (2) từ năm: \_\_\_\_\_ đến năm: \_\_\_\_\_
    - \_\_\_\_\_ từ năm: \_\_\_\_\_ đến năm: \_\_\_\_\_
    - ...
  - b) Kinh doanh:
    - \_\_\_\_\_ (3) từ năm: \_\_\_\_\_ đến năm: \_\_\_\_\_
    - \_\_\_\_\_ từ năm: \_\_\_\_\_ đến năm: \_\_\_\_\_
    - ...
3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong \_\_\_\_\_ (4) năm gần đây:
  - a) Sản xuất:
  - b) Kinh doanh:
4. Tổng số lao động hiện có:
  - a) Trong lĩnh vực sản xuất:  
Trong đó, cán bộ chuyên môn: (5)
  - b) Trong lĩnh vực kinh doanh:  
Trong đó, cán bộ chuyên môn: (5)

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(2). Ghi lĩnh vực sản xuất chính (3). Ghi lĩnh vực kinh doanh chính

(4). Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường từ 3 đến 5 năm; đối với gói thầu quy mô nhỏ thì có thể quy định ít hơn 3 năm trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của dự án).

(5). Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu cụ thể về cán bộ chuyên môn như: số lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ chuyên môn...

**KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

**A. Tóm tắt các số liệu về tài chính** trong \_\_\_\_ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định Chương II ].

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm _____	Năm _____	Năm _____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

**B. Tài liệu gửi đính kèm** nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Báo cáo kiểm toán;
5. Các thông lệ khác.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU**  
(Bảo đảm của ngân hàng)

**Bên thụ hưởng:** [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

**Ngày:** [điền ngày phát hành]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo đảm:** [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]<sup>(1)</sup> (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

- a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
- b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định tại Chương I;
- c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.
- d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

*(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.”*

*(2) Ghi theo quy định tại Chương I.*

*(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I*

**Các Mẫu biểu giá**

[Nhà thầu phải điền vào các Mẫu Biểu giá theo các chỉ dẫn kèm theo. Danh sách các hạng mục chính trong cột 1 của các Biểu giá phải phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp]

**Mẫu số 11**

**BIỂU GIÁ CHÀO**

TT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7) x (9)
1	.....								.....
2	.....								.....
3	.....								.....
<b>Cộng</b>									.....
<b>Thuế</b>									.....
<b>Phí (nếu có)</b>									.....
<b>Tổng cộng</b>									.....

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Biểu giá và Lịch hoàn thành - Các dịch vụ liên quan**

1	2	3	4	5	6	7
Dịch vụ số	Mô tả dịch vụ (không bao gồm vận chuyển nội địa và các dịch vụ khác cần thiết trong Việt Nam để chuyển chở hàng hóa đến đích cuối cùng)	Nước xuất xứ	Ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá	Tổng giá cho dịch vụ (Cột 5*6 hoặc ước tính)
[điền số hiệu dịch vụ]	[điền tên Dịch vụ]	[điền tên nước xuất xứ của dịch vụ]	[điền ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng]	[điền số lượng đơn vị dịch vụ sẽ được cung cấp và đơn vị tính]	[điền đơn giá cho hạng mục]	[điền tổng giá của hạng mục]
<b>Tổng giá chào thầu</b>						

Tên Nhà thầu [điền tên đầy đủ của Nhà thầu] Chữ ký của Nhà thầu [chữ ký của người ký HSDX] Ngày [điền ngày]

**Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất**

*[Nhà thầu phải yêu cầu Nhà sản xuất điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn ở dưới. Thư ủy quyền này phải được in trên giấy có tiêu đề của Nhà sản xuất và có chữ ký của người có thẩm quyền hợp lệ để ký các tài liệu có ý nghĩa ràng buộc đối với Nhà sản xuất. Nhà thầu phải đính kèm Ủy quyền của Nhà sản xuất vào Hồ sơ dự thầu]*

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]*

**CĂN CỨ VÀO VIỆC**

Chúng tôi *[điền tên đầy đủ của Nhà sản xuất]*, là nhà sản xuất chính thức *[điền tên loại hàng hóa được sản xuất]*, có nhà máy tại *[điền địa chỉ đầy đủ của nhà máy]*, tuyên bố ủy quyền cho *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* nộp hồ sơ dự thầu cung cấp những hàng hóa sau đây do chúng tôi sản xuất *[điền tên và/hoặc mô tả ngắn gọn về hàng hóa]*, sau đó đàm phán và ký Hợp đồng.

Chúng tôi xin bảo đảm và bảo hành đầy đủ đối với Hàng hóa do công ty nêu trên chào cung ứng.

Đã ký: *[chữ ký của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Tên: *[điền tên của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Chức vụ: *[điền chức vụ]*

Thứ \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_, tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ *[điền ngày ký]*

## **Chương IV**

### **PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA**

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được Bên mời thầu đưa vào HSYC và phải bao gồm mô tả về các hàng hóa sẽ được cung cấp cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa để hỗ trợ các nhà thầu chuẩn bị HSDX một cách hiệu quả và chính xác khi lập các biểu giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương III. Ngoài ra, Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa với Biểu giá là cơ sở cho việc điều chỉnh hợp đồng.

Ngày giao hàng hoặc thời hạn giao hàng phải được xác định một cách thận trọng, dựa trên những yếu tố sau:

1. Ảnh hưởng của các điều khoản giao hàng quy định trong Hướng dẫn cho Nhà thầu theo các quy tắc Incoterms (ví dụ như EXW, hoặc CIP, FOB, FCA — mà theo đó “giao hàng” được hiểu là khi hàng hóa được chuyển giao cho đơn vị vận chuyển);

2. Ngày giao hàng được tính kể từ khi nhà thầu bắt đầu có nghĩa vụ giao hàng tới Chủ đầu tư (ví dụ như thông báo trao hợp đồng, ký hợp đồng, mở hoặc xác nhận tín dụng thư).

**1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa**

[Bên mời thầu sẽ điền vào bảng này, ngoại trừ cột “Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu” sẽ do Nhà thầu điền]

stt	Mô tả hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Điểm giao hàng	Ngày giao hàng (theo Incoterms)			Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu [Nhà thầu tự điền vào cột này]
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất		
1	Phân bón hữu cơ (Hàm lượng chất hữu cơ >=20% khối lượng hữu cơ; PH nước >=5, độ ẩm <= 30%)	1.056.854,8	kg	Địa bàn công viên mảng xanh các khu vực chi tiết tại Mục 1.2.2 Chương V	72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Chủ đầu tư	72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Chủ đầu tư	[điền số ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực]	

## Chương V YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Hàng hóa – Phân bón hữu cơ đợt 2 năm 2025
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Công viên cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh
- Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thời gian thực hiện: 60 ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn – 01 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

##### 1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật hàng hóa, cụ thể:

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Phân bón hữu cơ	- Là phân bón hữu cơ được công nhận lưu hành tại Việt Nam; Hàm lượng chất hữu cơ $\geq 20\%$ khối lượng hữu cơ; PH nước $\geq 5$ , độ ẩm $\leq 30\%$ , Các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm và dung sai phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón quy định tại Thông tư 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/08/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	Kg	1.056.854,8	- Năm sản xuất: 2025 - Quy cách: + Sản phẩm được đóng trong bao PP tráng PE; + Trọng lượng tịnh: 25 kg/bao;

#### Ghi chú:

- Toàn bộ các hàng hóa phải mới 100%, có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp; tất cả đều được kiểm nghiệm chất lượng;
- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói: phải theo đúng quy định của nhà sản xuất;
- Yêu cầu nhà thầu phải dịch toàn bộ tài liệu gốc sử dụng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch). Trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu dịch sai, tùy mức độ, Bên mời thầu có thể loại HSDX của nhà thầu.

- Nhà thầu có thể chào các hàng hóa “tương đương” có mức độ đáp ứng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu trong HSYC.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng hoặc công năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

- Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong HSYC (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu, bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật; Nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương kèm văn bản giải trình và cung cấp tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu chào là tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu không có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh thì Bên mời thầu sẽ đánh giá theo đúng tài liệu kỹ thuật trong HSDX của nhà thầu đã chào.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan (cung cấp catalogue hoặc tài liệu tương đương khác) để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa so với yêu cầu của HSYC. Đối với tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa dự thầu so với yêu cầu của HSYC không được viết bằng tiếng Việt, Bên mời thầu sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bản dịch sang tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết).

### **1.2.2. Yêu cầu về vận chuyển**

Hàng hóa phải được vận chuyển đến công viên, mảng xanh thuộc địa bàn các khu vực của Chủ đầu tư, vị trí tập kết cụ thể:

#### Khu vực 5:

- + Vị trí 1: Mảng xanh Quận 4 - Dưới cầu Calmette và dưới cầu Nguyễn Văn Cừ;
- + Vị trí 2: Mảng xanh dải phân cách Nguyễn Văn Cừ - Đối diện số nhà 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5;
- + Vị trí 3: Công viên Lê Văn Tám;
- + Vị trí 4: Công viên 23/9 Khu A và Khu B;
- + Vị trí 5: Công viên 30/4;
- + Vị trí 6: Mảng xanh Bảo Tàng;
- + Vị trí 7: Công viên Tao Đàn;
- + Vị trí 8: Công viên Phạm Văn Chí;
- + Vị trí 9: Công viên Trung Sơn;
- + Vị trí 10: Công viên Nguyễn Tri Phương

+ Vị trí 11: Sân khấu Trống Đồng (12 B Cách mạng tháng 8, phường Bến Thành, Q 1)

- Khu vực 6:

+ Vị trí 1: Giao tại Công viên Lê Văn Tám

+ Vị trí 2: Giao tại Công viên Tao đàn

+ Vị trí 3: Giao tại Công viên 23/9

+ Vị trí 4: Giao Công viên 30/4

+ Vị trí 5: Giao tại Công viên Phạm Văn Chí

+ Vị trí 6: Công viên Gia Định A tại Vĩa hè Hoàng Minh Giám

+ Vị trí 7: Công viên Gia định B (Khu B - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận).

+ Vị trí 8: Công viên Gia định B (Khu C - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 3, Quận Gò Vấp)

+ Vị trí 9: Công viên Gia định B (Khu D - Đường Đặng Văn Sâm, Phường 3, Quận Gò Vấp)

+ Vị trí 10: Sân khấu Trống Đồng (12 B Cách mạng tháng 8, phường Bến Thành, Q 1)

+ Vị trí 11: Xí nghiệp Vân tải (553/26 Bùi Văn Thềm, P9 . Phú Nhuận).

**1.3. Các yêu cầu khác**

- Cam kết về thu hồi hàng hóa không đủ tiêu chuẩn chất lượng hoặc khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Số lượng cung cấp: Số lượng hàng hoá do Nhà thầu cung cấp theo yêu cầu từng đợt của bên mua.

**1.4. Yêu cầu về kiểm tra chất lượng**

- Chủ đầu tư sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm theo mẫu bất kỳ (quy trình lấy mẫu thí nghiệm được sự thống nhất của 02 bên)

- Đơn vị kiểm định chất lượng mẫu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Là Đơn vị có chức năng kiểm định, hiệu chuẩn hợp pháp tại Việt Nam (theo quy định hiện hành).

+ Có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025 hoặc có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trừ các cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón (theo Khoản 3, điều 12 Nghị định 84/2019/NĐ-CP);

- Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp hồ sơ pháp lý của đơn vị kiểm nghiệm để xem xét, chấp thuận trước khi tiến hành lấy mẫu.

- Mọi chi phí cho việc kiểm mẫu do Nhà thầu chịu.

- Số lượng mẫu thử sẽ do Chủ đầu tư yêu cầu, phù hợp với các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành.

*Chất lượng phân bón phải đảm bảo theo tiêu chuẩn Nhà nước quy định. Dung sai cho phép khi kiểm định chất lượng so với hàm lượng công bố áp dụng theo thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/08/2019 của BNN và PTNT ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng phân bón.*

## Chương VI

### KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

#### **1. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng:**

- Các đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp chính xác số liệu thông tin khi các đại diện Chủ đầu tư yêu cầu.

- Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật phục vụ hồ sơ thí nghiệm của Chủ đầu tư sẽ do Nhà thầu chịu.

- Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác do chủ đầu tư yêu cầu.

#### **2. Kiểm tra trước khi chấp nhận hàng hóa:**

- Hàng hóa sẽ được kiểm tra tại địa điểm nhận hàng và cung cấp phiếu giao nhận, các bên cùng nhau kiểm tra chất lượng, tình trạng của hàng hóa và kiểm đếm số lượng.

Trong trường hợp có sự khác biệt về số lượng và chất lượng của hàng hóa so với qui định trong Hợp đồng, Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp lại số hàng hóa thay thế không phù hợp đó (với chi phí của nhà thầu) trong vòng 03 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại hàng hóa không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của Nhà thầu.

Các chi phí liên quan đến sai khác về số lượng và chất lượng hàng hóa bao gồm vận chuyển bốc dỡ tại địa điểm giao nhận do Nhà thầu chịu trách nhiệm.

**Bảo lãnh thực hiện hợp đồng**

**Đối tượng thụ hưởng:** [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

**Ngày:** [điền ngày phát hành]

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ:** [điền số Bảo lãnh]

**Bên bảo lãnh:** [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng \_ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện \_ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] ( ) [điền số tiền bằng chữ]<sup>2</sup>, theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng ....., 2...<sup>3</sup>, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

\_\_\_\_\_  
[chữ ký]

<sup>2</sup> Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ dễ chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

<sup>3</sup> Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

**Chương VII**  
**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy

quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo danh mục được nêu chi tiết như sau :

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1									
<b>Cộng</b>								.....	
<b>Thuế</b>								.....	
<b>Tổng cộng</b>								.....	

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**Điều 5. Giá trị hợp đồng, loại hợp đồng và phương thức thanh toán**

**5.1 Giá trị hợp đồng**

Giá trị hợp đồng:.....đồng (bằng chữ: .....)

Giá trị hợp đồng trên là giá trị tạm tính, giá trị hợp đồng chính thức là giá nhân với khối lượng chính thức được nghiệm thu.

Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến công viên, mảng xanh thuộc địa bàn các khu vực của Bên A.

## **5.2 Phương thức thanh toán:**

a. Tạm ứng: **30%** giá trị hàng hóa sau khi hợp đồng được ký kết đồng thời nhận được hồ sơ tạm ứng.

*Hồ sơ tạm ứng bao gồm:*

- Đề nghị tạm ứng của bên B

- 02 bộ hồ sơ phê tô công chứng, bao gồm: Quyết định công nhận phân bón lưu hành; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (nếu là nhà sản xuất); Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán (nếu là đơn vị thương mại); Chứng nhận hợp quy, thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón

b. Thanh toán: 1 lần

Sau khi khối lượng chính thức được nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng chính thức sau khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán, đồng thời thu hồi 30% giá trị hàng hóa đã tạm ứng trước đó.

*Hồ sơ thanh toán bản chính:*

- 01 Giấy đề nghị thanh toán

- 02 bộ Giấy chứng nhận xuất xưởng lô phân bón (có kết quả kiểm tra chất lượng lô phân bón đạt tiêu chuẩn xuất xưởng)

- 02 bộ Phiếu giao nhận hàng hóa (phải đúng số lô sản xuất như trên bao bì)

- 02 bộ Hồ sơ thí nghiệm (biên bản lấy mẫu và kết quả thí nghiệm)

- Biên bản nghiệm thu có chữ ký xác nhận của hai bên

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành có chữ ký xác nhận của hai bên

- Bên B xuất hóa đơn tài chính theo giá trị tương ứng được nghiệm thu

c. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

**Điều 6. Hình thức hợp đồng:** Theo đơn giá cố định

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày

**Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung

hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

#### **Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trước ngày ký hợp đồng
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5 % giá trị hợp đồng

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 15 ngày làm việc.

#### **Điều 10. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

#### **Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa**

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

#### **Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: phiếu giao hàng, hồ sơ chất lượng và các giấy tờ hồ sơ phục vụ yêu cầu nghiệm thu của Bên A.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên A sẽ thông báo cho bên B trước 3 ngày làm việc, bằng điện thoại hoặc email về kế hoạch nhận hàng. Hàng hóa phải được vận chuyển đến công viên, mảng xanh thuộc địa bàn các khu vực của Chủ đầu tư, vị trí tập

kết cụ thể:

Khu vực 5:

- + Vị trí 1: Mảng xanh Quận 4 - Dưới cầu Calmette và dưới cầu Nguyễn Văn Cừ;
- + Vị trí 2: Mảng xanh dải phân cách Nguyễn Văn Cừ - Đối diện số nhà 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5;
- + Vị trí 3: Công viên Lê Văn Tám;
- + Vị trí 4: Công viên 23/9 Khu A và Khu B;
- + Vị trí 5: Công viên 30/4;
- + Vị trí 6: Mảng xanh Bảo Tàng;
- + Vị trí 7: Công viên Tao Đàn;
- + Vị trí 8: Công viên Phạm Văn Chí;
- + Vị trí 9: Công viên Trung Sơn;
- + Vị trí 10: Công viên Nguyễn Tri Phương
- + Vị trí 11: Sân khấu Trống Đồng (12 B Cách mạng tháng 8, phường Bến Thành, Q 1)

- Khu vực 6:

- + Vị trí 1: Giao tại Công viên Lê Văn Tám
- + Vị trí 2: Giao tại Công viên Tao đàn
- + Vị trí 3: Giao tại Công viên 23/9
- + Vị trí 4: Giao Công viên 30/4
- + Vị trí 5: Giao tại Công viên Phạm Văn Chí
- + Vị trí 6: Công viên Gia Định A tại Vĩa hè Hoàng Minh Giám
- + Vị trí 7: Công viên Gia định B (Khu B - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận).
- + Vị trí 8: Công viên Gia định B (Khu C - Đường Hoàng Minh Giám, Phường 3, Quận Gò Vấp)
- + Vị trí 9: Công viên Gia định B (Khu D - Đường Đặng Văn Sâm, Phường 3, Quận Gò Vấp)
- + Vị trí 10: Sân khấu Trống Đồng (12 B Cách mạng tháng 8, phường Bến Thành, Q 1)
- + Vị trí 11: Xí nghiệp Vân tải (553/26 Bùi Văn Thềm, P9 . Phú Nhuận).

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ theo kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có

quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

#### **Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho, giao hàng và tai nạn bất khả kháng khác.

#### **Điều 14. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định pháp luật.

#### **Điều 15. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản hồ sơ đề xuất của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung tại mẫu số 11]*



